

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Trường.
2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị L - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày: Bà và ông Trần Thanh P xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Long An. Sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc. Ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh P.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Thạch Thị Huyền T, sinh ngày 15/11/1997 và Thạch Thị Huyền K, sinh ngày 04/12/2000. Khi ly hôn các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông P vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Thạch Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Thanh P, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông P được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông P không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Bà Thạch Thị L và ông Trần Thanh P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà L cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc. Ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ xem xét; qua lời trình bày của bà L, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Thạch Thị Huyền T, sinh ngày 15/11/1997 và Thạch Thị Huyền K, sinh ngày 04/12/2000, đã thành niên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8] Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà L đã nộp đủ án phí.

[9] Ông P không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị L được ly hôn với ông Trần Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Hai con chung tên Thạch Thị Huyền T, sinh ngày 15/11/1997 và Thạch Thị Huyền K, sinh ngày 04/12/2000, đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004990 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái